

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc giao biên chế công chức, số lượng người làm việc
và hợp đồng lao động trong các cơ quan hành chính,
đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2022**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 1044/QĐ-BNV ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành
chính nhà nước của tỉnh Bình Định năm 2022 và Công văn số 5995/BNV-TCBC
ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Nội vụ về việc số lượng người làm việc trong
các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Bình Định năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phân bổ biên chế công chức, số lượng người làm
việc và hợp đồng lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập
của tỉnh Bình Định năm 2022;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 737/TTr-SNV ngày 17
tháng 12 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (hưởng lương từ ngân sách nhà nước) năm 2022 cho các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, cụ thể như sau:

1. Tổng số biên chế công chức: 2.205 biên chế.
2. Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 26.479 người, trong đó:
 - a) Giao 26.425 người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể:
 - Các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 20.655 người;
 - Các đơn vị sự nghiệp y tế: 4.168 người;
 - Các đơn vị sự nghiệp văn hóa - thông tin - thể thao: 594 người;
 - Các đơn vị sự nghiệp khác: 1.008 người.

b) Số lượng người làm việc để cân đối lại cho các đơn vị sự nghiệp đang thực hiện phương án tự chủ đảm bảo chi thường xuyên trong trường hợp không tự đảm bảo được 100% chi thường xuyên: 54 người.

3. Tổng số hợp đồng lao động: 758 người, trong đó:

a) Cơ quan hành chính: 159 người;

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập: 599 người.

(Số liệu cụ thể theo Phụ lục I, II đính kèm Quyết định này)

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm thông báo và hướng dẫn các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quản lý, sử dụng số biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động được giao tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

a) Tiếp tục rà soát, sắp xếp các tổ chức bên trong các sở, ban, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ, xác định tổng biên chế từng năm và tỷ lệ biên chế chia theo từng nhóm vị trí việc làm, tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo quy định.

b) Rà soát, trình phê duyệt hoặc phê duyệt Đề án tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, để làm cơ sở giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp, chuyển số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K12.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phi Long

Phụ lục I
BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH
VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
CÔNG LẬP TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày ____ / ____ /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022						Ghi chú
		Tổng cộng	Chia ra					
			Biên chế công chức	Sự nghiệp GD-ĐT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp VH-TT	Sự nghiệp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng cộng	28.684	2.205	20.655	4.168	594	1.008	
I	Cấp tỉnh	9.759	1.260	3.441	4.168	361	529	
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	39	39					
1.1	Thường trực và các Ban HĐND tỉnh	10	10					
1.2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	29	29					
2	Văn phòng UBND tỉnh	70	55				15	
2.1	Lãnh đạo UBND tỉnh	4	4					
2.2	Văn phòng UBND tỉnh	66	51				15	
3	Sở Nội vụ	82	67				15	
4	Sở Ngoại vụ	20	20					
5	Sở Tài chính	61	61					
6	Sở Khoa học và Công nghệ	96	39				57	
7	Sở Thông tin và Truyền thông	42	25				17	
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	484	339				145	
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	99	67				32	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.178	47	3.131				
11	Sở Y tế	4.234	66		4.168			
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	155	47	12			96	
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	54	41				13	
14	Sở Công Thương	60	44				16	
15	Sở Xây dựng	58	58					
16	Sở Giao thông vận tải	57	57					
17	Sở Tư pháp	52	29				23	
18	Thanh tra tỉnh	41	41					
19	Sở Văn hoá và Thể thao	271	33			238		
20	Sở Du lịch	32	21				11	
21	Ban Dân tộc	16	16					
22	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	70	48				22	
23	Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh	24					24	

STT	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022					Ghi chú
		Tổng cộng	Chia ra				
			Biên chế công chức	Sự nghiệp GD-ĐT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp VH-TT	
24	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	6				6	
25	Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh	5				5	
26	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh	19				19	
27	Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định	123			123		
28	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn	213		213			
29	Trường Cao đẳng Y tế	85		85			
30	Ban Quản lý Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo tỉnh (giao chung với Sở Y tế)	1				1	
31	Quỹ Phát triển Khoa học công nghệ tỉnh	5				5	
32	Trung tâm Hoạt động thanh thiếu nhi	7				7	
33	Số lượng người làm việc để cân đối lại cho các đơn vị sự nghiệp đang thực hiện phương án tự chủ đảm bảo chi thường xuyên trong trường hợp không tự đảm bảo được 100% chi thường xuyên	54					
II	Cấp huyện	18.867	941	17.214		233	479
1	Thành phố Quy Nhơn	2.656	137	2.380		33	106
2	Thị xã An Nhơn	2.016	84	1.872		20	40
3	Thị xã Hoài Nhơn	2.377	88	2.222		22	45
4	Huyện Tuy Phước	2.113	84	1.975		20	34
5	Huyện Tây Sơn	1.732	80	1.592		20	40
6	Huyện Phù Cát	2.445	81	2.302		20	42
7	Huyện Phù Mỹ	2.213	81	2.069		20	43
8	Huyện Hoài Ân	1.264	80	1.131		19	34
9	Huyện Vân Canh	612	75	496		17	24
10	Huyện Vĩnh Thạnh	714	75	586		19	34
11	Huyện An Lão	725	76	589		23	37
III	Biên chế để thực hiện chính sách luân chuyển, điều động và thu hút (thực hiện quyết định cụ thể của UBND tỉnh)	4	4				

Phụ lục II
HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TRONG CÁC
CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập	Số hợp đồng lao động năm 2022	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	758	
A	Các cơ quan hành chính	159	
I	Văn phòng các sở, ban, ngành	85	
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	9	
2	Văn phòng UBND tỉnh	17	
3	Sở Nội vụ	3	
4	Sở Ngoại vụ	3	
5	Sở Tài chính	3	
6	Sở Khoa học và Công nghệ	3	
7	Sở Thông tin và Truyền thông	3	
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3	
9	Sở Y tế	3	
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	3	
11	Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh	3	
12	Sở Tư pháp	3	
13	Ban Dân tộc	3	
14	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	3	
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	3	
16	Sở Xây dựng	3	
17	Sở Giao thông vận tải	3	
18	Sở Công Thương	2	
19	Sở Giáo dục và Đào tạo	3	
20	Thanh tra tỉnh	3	
21	Sở Văn hoá và Thể thao	3	
22	Sở Du lịch	3	
II	Các Chi cục thuộc sở, ban	30	
1	Ban Thi đua - Khen thưởng	1	
2	Ban Tôn giáo	2	
3	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	1	
4	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	1	
5	Chi cục Kiểm lâm	12	

STT	Tên cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập	Số hợp đồng lao động năm 2022	Ghi chú
6	Chi cục Thủy sản	1	
7	Chi cục Thủy lợi	1	
8	Chi cục Phát triển nông thôn	1	
9	Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản	1	
10	Chi cục Bảo vệ môi trường	1	
11	Chi cục Quản lý đất đai	2	
12	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	2	
13	Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình	1	
14	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	1	
15	Thanh tra Sở Giao thông vận tải	2	
III	UBND cấp huyện	44	
1	Văn phòng HĐND và UBND thành phố Quy Nhơn	4	
2	Văn phòng HĐND và UBND thị xã An Nhơn	4	
3	Văn phòng HĐND và UBND huyện Tuy Phước	4	
4	Văn phòng HĐND và UBND huyện Phù Cát	4	
5	Văn phòng HĐND và UBND huyện Phù Mỹ	4	
6	Văn phòng HĐND và UBND thị xã Hoài Nhơn	4	
7	Văn phòng HĐND và UBND huyện Hoài Ân	4	
8	Văn phòng HĐND và UBND huyện Tây Sơn	4	
9	Văn phòng HĐND và UBND huyện Vân Canh	4	
10	Văn phòng HĐND và UBND huyện Vĩnh Thạnh	4	
11	Văn phòng HĐND và UBND huyện An Lão	4	
B	Các đơn vị sự nghiệp công lập	599	
1	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh	3	
2	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	2	
3	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	2	
4	Bảo tàng tỉnh	14	
5	Bảo tàng Quang Trung	3	
6	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao	8	
7	Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh	3	
8	Thư viện tỉnh	1	
9	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	1	
10	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	1	
11	Đội Bảo vệ Khu kinh tế Nhơn Hội	10	
12	Cơ sở cai nghiện ma túy	2	
13	Trung tâm Công tác Xã hội và Bảo trợ xã hội	14	
14	Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn	43	
15	Trung tâm Chăm sóc và Điều dưỡng người có công	4	

STT	Tên cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập	Số hợp đồng lao động năm 2022	Ghi chú
16	Các Trường Mẫu giáo, Mầm non	191	- Bảo vệ: 141 người (An Lão: 10; Vân Canh: 7; Vĩnh Thạnh: 9; Hoài Ân: 14; Tây Sơn: 16; Phù Mỹ: 17; Phù Cát: 18; Tuy Phước: 13; Hoài Nhơn: 17; An Nhơn: 15; Quy Nhơn: 5). - Cấp dưỡng: 50 người (An Lão: 24; Vân Canh: 16; Vĩnh Thạnh: 10).
17	Các Trường Tiểu học	212	An Lão: 10; Vân Canh: 8; Vĩnh Thạnh: 7; Hoài Ân: 16; Tây Sơn: 19; Phù Mỹ: 26; Phù Cát: 25; Tuy Phước: 27; Hoài Nhơn: 27; An Nhơn: 20; Quy Nhơn: 27.
18	Các Trường Phổ thông dân tộc bán trú cấp THCS	35	An Lão: 12; Vân Canh: 8; Vĩnh Thạnh: 8; Hoài Ân: 4; Tây Sơn: 3.
19	Các Trường Phổ thông DTNT, trường chuyên biệt	38	
20	Các đơn vị sự nghiệp y tế (không bao gồm Bệnh viện và Trung tâm Y tế cấp huyện)	7	
21	Lao động hợp đồng chưa phân bổ	5	